HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THÁI LAN

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THÁI LAN

Quốc kỳ:

Phần A

1. Tên nước: Vương quốc Thái Lan
(Kingdom of Thailand)

2. Thủ đô: Băng-cốc (Bangkok).

3. Vị trí địa lý:

Thái Lan nằm ở Đông Nam Á; phía Bắc giáp Lào và Mi-an-an (Myanmar); phía Đông giáp Cam-pu-chia và Vịnh Thái Lan; phía Nam giáp Ma-lai-xi-a; phía Tây giáp biển An-đa-man (Andaman) và Mi-an-ma.

4. Diện tích: 513.120 km^2.

5. Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết nóng, mưa nhiều.

6. Tài nguyên thiên nhiên: chủ yếu là thiếc, cao su, gas, vôn-phờ-ram (vonfram), tan-ta-li-um (tantalium), gỗ, chì, than non.

7. Thu nhập bình quân đầu người: khoảng 5.900 USD/năm (2014).

8. Đơn vị tiền tệ: Baht (THB) (1 USD = 29-30 baht).

9. Dân số: 68.320.653 người (2014).

10. Dân tộc: Thái 75%, Hoa 14%, Mã Lai 3%, còn lại là các dân tộc thiểu số như Môn, Kho-me và các bộ tộc khác.

11. Tôn giáo: Phật giáo (95%), Hồi giáo 4%, Thiên chúa giáo và các đạo khác 1%.

12. Ngôn ngữ: Tiếng Thái là ngôn ngữ hành chính tại Thái Lan. Tiếng Anh được giảng dạy rộng rãi nhưng mức độ thành thạo thấp.

13. Ngày quốc khánh: 5/12, là ngày sinh nhật Vua Bu-mi-bôn A-đun-da-đệt (Bhumibol Adulyadej).

14. Kinh tế: Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960, Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất và đến nay là Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ 11 (2012- 2016). Những năm 1970, Thái thực hiện chính sách "hướng xuất khẩu", ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan. Ngành du lịch đóng vai trò tích cực.

Về tốc độ tăng trưởng kinh tế, năm 2007 đạt 4,7%, năm 2008 đạt 3,6%, năm 2009 đạt âm 2,8% (do tác động của khủng hoảng chính trị trong nước và khủng hoảng

tài chính thế giới); năm 2010 đạt 8%; năm 2011 đạt 0,1%, năm 2012 đạt 6,5%, năm 2013 đạt 2,9%, năm 2014 đạt 0,7%. Chính phủ Thái Lan dự báo năm 2015 nền kinh tế sẽ khởi sắc, ước tăng trưởng từ 3,5-4,5%.

15. Thể chế nhà nước: Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến cho đến ngày nay.

- **Quốc hội gồm hai viện**: Thượng viện gồm 150 ghế trong đó 77 ghế đại diện cho 77 tỉnh, 73 ghế được bầu từ các thẩm phán và các cơ quan độc lập của Chính phủ với nhiệm kỳ 6 năm. Hạ viện gồm 500 ghế trong đó 375 ghế bầu từ các khu vực bầu cử; 125 ghế phân chia theo tỷ lệ các đảng tham gia trong bầu cử với nhiệm kỳ 4 năm. Do tình hình bất ổn chính trị, Hạ viện đã bị giải tán ngày 09/12/2013. Thượng viện cũng bị giải tán ngày 24/5/2014, hai ngày sau khi Tư lệnh Lục quân Thái Lan Prayuth Chan-Ocha tiến hành đảo chính quân sự và chính thức điều hành Thái Lan trên cương vị Thủ tướng thứ 29 của Thái Lan vào tháng 9/2004.

- Nguyên thủ quốc gia: Nhà Vua **Bhumibol Adunyadej** (lên ngôi từ 9/6/1946).

- Thủ tướng: Đại tướng Pra-dút Chan-ocha (Prayut Chan-ocha).

16. Đối ngoại:

Thái Lan tích cực phát huy vai trò của mình trong khu vực và quốc tế; tích cực tham gia các hợp tác khu vực và tiểu vùng (ASEAN, GMS, ACMECS, EWEC,…). Thái Lan đã đăng cai tổ chức nhiều Hội nghị quan trọng như Diễn đàn Kinh tế Thế giới về Đông Á (30/5-01/6/2012); Hội nghị Thượng đỉnh về nước khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (APWS) lần thứ 2 (19-20/5/2013); Hội nghị Thượng đỉnh các nước tiểu vùng sông Mê Công mở rộng lần thứ 5 – GMS 5 (19-20/12/2014)…

Thái Lan tích cực tăng cường quan hệ với nhiều quốc gia trên thế giới: các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản…), các nước láng giềng và các nước trong khu vực. Thái Lan có quan hệ đồng minh ngoài NATO với Mỹ, quan hệ đối thoại chiến lược với Nga, Nhật Bản, quan hệ đối tác toàn diện với Úc và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Hàn Quốc. Thái Lan cũng đang thúc đẩy thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam là nước đầu tiên trong ASEAN mà Thái Lan thiết lập quan hệ đối tác chiến lược nhân chuyến thăm chính thức Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (25-27/6/2013).

II. GIỚI THIỆU CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BỘ TƯ PHÁP VƯƠNG QUỐC THÁI LAN

Tầm nhìn: Bảo vệ công lý theo tiêu chuẩn quốc tế

Nhiệm vụ:

Xây dựng một hệ thống hành chính tư pháp công bằng và nhạy bén;

Nâng cao chất lượng của hoạt động thi hành pháp luật phù hợp với những tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế;

Triển khai các hoạt động nghiên cứu và xây dựng pháp luật;

Tăng cường giải quyết tranh chấp ngoài tòa án;

Phối hợp thực hiện công tác phòng chống ma túy;

Phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực công;

Đảm bảo quản lý tư pháp công bằng cho các tỉnh biên giới phía Nam;

Thúc đẩy hội nhập, hợp tác giữa ngành tư pháp và tất cả các ngành khác, bao gồm cả các đối tác quốc tế;

Tăng cường hiệu quả quản lý hành chính và năng lực của các thiết chế.

Vai trò và trách nhiệm:

Mục 32 Đạo luật sửa đổi về Bộ, Cơ quan trực thuộc Bộ và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp Thái Lan số BE 2545 quy định: Bộ Tư pháp Vương quốc Thái Lan có trách nhiệm quản lý hệ thống tư pháp, tăng cường công lý trong xã hội và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các vụ trong Bộ.

Nhiệm vụ của Bộ Tư pháp Vương quốc Thái Lan

Trách nhiệm của Văn phòng Bộ trưởng

Văn phòng Bộ trưởng giúp Bộ trưởng trong các công việc quản lý và công tác chính trị thông qua việc phối hợp với các Bộ khác trong các vấn đề về chính sách; tổ chức nghiên cứu và phân tích; đưa ra các khuyến nghị và rà soát các đơn từ trình Bộ trưởng cho ý kiến chỉ đạo.

Nhóm chính sách chiến lược và điều phối

Văn phòng Thứ trưởng thường trực có vai trò trung tâm trong việc điều phối chính sách phát triển công tác của Bộ thông qua việc triển khai công tác xây dựng chính sách và chiến lược của Bộ; hỗ trợ các Sở Tư pháp và mạng lưới dịch vụ pháp lý được thiết lập phục vụ công việc trợ giúp pháp lý, cung cấp thông tin cho cộng đồng và giải quyết khiếu nại; phát triển nhân lực, tăng cường quan hệ công chúng và các vấn đề đối ngoại, đồng thời xây dựng hệ thống công nghệ thông tin liên quan đến pháp luật.

Văn phòng phụ trách các vấn đề pháp lý là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm thúc đẩy hội nhập và hợp tác với các tổ chức trong hệ thống tư pháp nhằm đạt được hiệu quả quản lý pháp luật thông qua việc phát triển chính sách và hệ thống tư pháp; tổ chức nghiên cứu và đánh giá việc thi hành pháp luật; thực hiện vai trò là thư ký cho Ủy ban Quốc gia về tăng cường quản lý pháp luật trong việc thiết lập hướng dẫn hoạt động cho các cơ quan về thủ tục pháp lý; tăng cường phối hợp về các vấn đề kỹ thuật

và pháp lý giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước; tổ chức các diễn đàn nhằm tuyên truyền cho người dân về xây dựng pháp luật và thủ tục pháp lý.

Nhóm phòng chống tội phạm và thực thi pháp luật

Cục Điều tra đặc biệt là cơ quan chuyên trách thi hành pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự có tính chất đặc biệt do pháp luật quy định. Cục thực hiện việc phòng chống và kiểm soát các vụ việc có ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế quốc gia, xã hội, an ninh và quan hệ quốc tế thông qua giám sát, thu thập dữ liệu, điều tra, hỏi cung và tố tụng trong các vụ việc và tuyên truyền nhằm tạo sự tin tưởng của người dân vào hệ thống tư pháp.

Viện Khoa học Giám định Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức và xây dựng cơ sở dữ liệu về giám định khoa học, hỗ trợ công tác phòng chống các tội phạm đặc biệt, quản lý bằng chứng hiện trường vụ án cũng như tổ chức điều tra hiện trường vụ án và giám định pháp y nếu như có yêu cầu của cán bộ điều tra, thiết lập hệ thống thống nhất ở cả cấp quốc gia và quốc tế; xây dựng trung tâm dữ liệu về điều tra chứng cứ đạt tiêu chuẩn quốc tế; đề xuất xây dựng các đạo luật và quy định liên quan đến các hoạt động giám định; đóng vai trò cơ quan trung ương về tiếp nhận khiếu nại và tố cáo của các nạn nhân thông qua phối hợp với Cục điều tra đặc biệt; nâng cao nhận thức của công chúng và phối hợp với tư cách là cơ quan giám định; thành lập trung tâm tìm kiếm người mất tích và Cơ quan quản lý DNA quốc gia để thống nhất và xây dựng cơ sở dữ liệu với các cơ quan phòng chống tội phạm.

Nhóm dịch vụ pháp lý và dân sự

Vụ Bảo vệ quyền và tự do chịu trách nhiệm xây dựng các hệ thống quản lý để tăng cường và bảo vệ quyền con người và quyền tự do thông qua việc nâng cao nhận thức người dân về quyền và tự do của bản thân; thiết lập các hệ thống và các biện pháp để hỗ trợ các nạn nhân của tội phạm; hỗ trợ về tài chính cho người vô tội bị thương và nạn nhân của tội phạm trong các vụ án hình sự; thúc đẩy các cơ chế giải quyết tranh chấp trong xã hội; cung cấp dịch vụ bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự theo Đạo luật Bảo vệ nhân chứng; phối hợp với các khu vực công và tư trong và ngoài nước về bảo vệ quyền và tự do; kiểm tra và đánh giá những nỗ lực bảo vệ quyền và tự do.

Vụ Thi hành án thi hành và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thi hành án dân sự, thi hành án về phá sản, tái cơ cấu doanh nghiệp, thanh lý và thế chấp tài sản theo lệnh của tòa án. Vụ có trách nhiệm xây dựng hệ thống thi hành án dân sự và thi hành án về phá sản, tái cơ cấu doanh nghiệp, thanh lý và thế chấp tài sản để đáp ứng những quy chuẩn nhằm thúc đẩy nền kinh tế Thái Lan và cung cấp cho chủ nợ cũng như các bên liên quan một phương thức dàn xếp nợ công bằng. Nâng cao nhận thức của cộng

đồng về thi hành án và giải quyết tranh chấp, tăng cường sự hợp tác và tham gia của khu vực công và tư nhân đồng thời là các chức năng chiến lược trọng yếu của Vụ.

Nhóm Tư pháp hình sự:

Vụ Phục hồi nhân phẩm có trách nhiệm giám sát và giáo dục các bị cáo theo phán quyết của tòa án thuộc phạm vi các quy định về tội phạm học, quy định về hình phạt và phù hợp với Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối đãi với tù nhân của Liên hợp quốc thông qua việc giáo dục, hướng nghiệp, điều trị tâm lý và giúp họ tái hòa nhập cộng đồng

Vụ Quản chế có trách nhiệm quản lý về tư pháp hình sự đối với các phạm nhân và con nghiện thông qua điều tra, giám sát, cai nghiện và hỗ trợ các bị cáo trong và sau khi các bản án có hiệu lực, cũng như việc giúp đỡ các con nghiện cai nghiện phù hợp với các luật liên quan đến vấn đề này. Vụ cũng nỗ lực thúc đẩy và hỗ trợ cai nghiện tại cộng đồng; xây dựng hệ thống và liệu pháp điều trị cai nghiện tại cộng đồng; tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự dưới dạng cộng đồng pháp luật hoặc các hình thức khác để ngăn ngừa tội phạm trong xã hội.

Vụ Giám sát và bảo vệ vị thành niên có trách nhiệm tăng cường và bảo vệ các quyền và tự do của tội phạm vị thành niên; tăng cường vai trò của gia đình và cộng đồng; thực hiện thủ tục tố tụng trong các vụ việc về hình sự và gia đình; thực hiện việc quản lý hành chính liên quan đến việc bảo vệ và tái hòa nhập cho trẻ vị thành niên; khuyến khích sự phối hợp từ phía cộng đồng, thiết lập mạng lưới cộng đồng với khu vực công và tư ở cả cấp quốc gia và quốc tế nhằm tăng cường sự tham gia và hỗ trợ trong hệ thống tư pháp vị thành niên; tiến hành nghiên cứu và xây dựng luật liên quan đến bảo vệ quyền và tự do của trẻ vị thành niên cũng như xây dựng hệ thống và quy trình trong các vụ việc liên quan đến vị thành niên và các liệu pháp điều trị; phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản lý phù hợp với tiêu chuẩn của quản lý công.

Các cơ quan trực thuộc Bộ trưởng

Văn phòng Ban quản lý chất gây nghiện là cơ quan điều phối quốc gia nhằm phòng chống và ngăn ngừa, đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến ma túy ở Thái Lan thông qua việc theo dõi và đánh giá tình trạng của nạn buôn bán ma túy, thiết lập các kế hoạch chiến lược, quản lý ngân sách và cung cấp thông tin trong việc phòng chống ma túy cũng như phối hợp với các cơ quan quốc tế trong các vấn đề liên quan đến chất gây nghiện.

Vai trò chính của Văn phòng là: kiểm soát sự phát tán của ma túy; thiết lập và đánh giá việc thực hiện chiến lược quốc gia về kiểm soát chất gây nghiện để kịp thời ứng phó với thực trạng của ma túy trong thời điểm hiện tại; nỗ lực quản lý chất gây

nghiện với cách tiếp cận thống nhất; kiểm tra, giám sát và đánh giá những nỗ lực của quốc gia về quản lý chất gây nghiện phù hợp với chiến lược quốc gia; quản lý thi hành luật về chất gây nghiện tuân theo luật về quản lý chất gây nghiện; đưa ra những giải pháp cho vấn đề này; giữ vai trò đầu mối trong chiến dịch chống ma túy và quan hệ công chúng; phối hợp với các tổ chức và cộng đồng quốc tế; thực hiện phát triển nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và hệ thống dữ liệu điện tử về quản lý chất gây nghiện; tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tổ chức phi chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý chất gây nghiện.

Văn phòng Ủy ban chống tham nhũng khu vực công được lập ra nhằm thực hiện những việc điều tra và thẩm tra nhằm phòng chống tham nhũng trong khu vực công. Văn phòng cũng có trách nhiệm tăng cường sự tham gia của tất cả các lĩnh vực trong xã hội trong việc phòng chống tham nhũng khu vực công; đưa ra các quy chuẩn đạo đức của các cán bộ nhà nước.

Các cơ quan độc lập của Bộ Tư pháp dưới sự giám sát của Bộ trưởng

Văn phòng cơ quan chống rửa tiền có trách nhiệm điều tra các giao dịch tài chính và thực hiện các biện pháp hữu hiệu để chống rửa tiền bằng việc ngăn chặn các tội phạm hưởng lợi từ các hành vi phạm tội và tham nhũng; phòng chống các tội phạm rửa tiền trong khu vực công và khu vực tư nhận ở cấp quốc gia và quốc tế; đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế giữa các cơ quan thực thi pháp luật thông qua hợp tác pháp luật song phương ứng phó với nạn rửa tiền.

Viện nghiên cứu tư pháp Thái Lan được thành lập năm 2011 với tư cách là một tổ chức bán công nhằm tăng cường hệ thống tư pháp hình sự. Chức năng chính của Viện là thúc đẩy thực thi Bộ Quy tắc của Liên hợp quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ (Bộ Quy tắc Bangkok) để việc áp dụng chính xác Bộ Quy tắc này sẽ góp phần mang lại lợi ích tối đa cho hệ thống tư pháp Thái Lan cũng như cho các quốc gia khác. Ngoài ra, Viện đặt mục tiêu trở thành một trung tâm nghiên cứu quốc tế phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Liên hợp quốc về chống ma túy và tội phạm và Mạng lưới các viện nghiên cứu của Liên hợp quốc nghiên cứu và tập huấn về tội phạm học, phục hồi, tư pháp hình sự, nhân quyền và nhà nước pháp quyền.

III. VÀI NÉT VỀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THÁI LAN

1. Giới thiệu chung

Thái Lan là một quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á chưa bao giờ bị các cường quốc châu Âu chiếm làm thuộc địa hay nô dịch hoá, Thái Lan có bề dày lịch sử

của chính phủ độc tài và hệ thống pháp luật chịu sự ảnh hưởng của truyền thống Civil Law và của Nhật Bản từ cuối thế kỉ XIX.

Về mặt lịch sử, cội nguồn cổ xưa của pháp luật Thái Lan trước thế kỉ XIII bị ảnh hưởng mạnh bởi Bộ luật Hindu của Manu. Vài thế kỉ sau đó, Bộ luật được sửa đổi và cùng với những quy phạm được phát triển từ những quyết định của Vua trong thực tiễn quản lí đã làm nên hệ thống pháp luật Thái Lan. Giai đoạn từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, cải cách pháp luật ở Thái Lan đã lên đến cực điểm và kết quả là sự ra đời của các bộ luật dân sự - thương mại, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự và hình sự được soạn thảo dựa trên các nguyên tắc hình mẫu của châu Âu trong đó Bộ luật dân sự - thương mại được xây dựng dựa trên kinh nghiệm của châu Âu lục địa và Nhật Bản và Bộ luật hình sự kế thừa kinh nghiệm của Pháp và Bỉ còn hệ thống toà án được tổ chức theo mô hình của Pháp.

Hiện tại, hệ thống toà án Thái Lan được tổ chức độc lập với chính phủ, trong đó thẩm phán xét xử độc lập, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật dưới danh nghĩa Vua Thái Lan.

Các toà án trong hệ thống thuộc một trong bốn nhóm: toà án hiến pháp, toà án hành chính, toà án tư pháp và toà án quân sự.

2. Cơ quan bảo hiến của Thái Lan trong quá khứ

Trong lịch sử, chức năng bảo hiến ở Thái Lan đã được trao cho những cơ quan khác nhau trong bộ máy tư pháp, lập pháp và hành pháp. Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan, Hiến pháp năm 1932 không có điều khoản nào quy định về quyền giám sát bằng thủ tục tư pháp đối với tính hợp hiến của các văn bản pháp luật và của các hành vi của chính phủ (judicial review). Vấn đề này đã gây tranh cãi trong suốt hơn một thập kỉ đầu của lịch sử hiến pháp Thái Lan. Sau đó, toà án đã được chính quyền quân sự trao cho cơ hội để phát triển khái niệm "judicial review" và coi đó như một yếu tố trọng tâm của nền quản lí hợp hiến. Toà án tối cao của Thái Lan lần đầu tiên khẳng định quyền "judicial review" của mình vào năm 1946, khi Toà tuyên Luật tội phạm chiến tranh năm 1945 là vi hiến. Phán quyết của toà bị Nghị viện Thái Lan lên án là đã làm lung lay nền tảng dân chủ và vì vậy, Nghị viện đã ngay lập tức thành lập một uỷ ban để xem xét lại vụ việc này. Kết quả là các nhà soạn thảo Hiến pháp năm 1946 đã thiết lập nên Uỷ ban tư pháp về Hiến pháp (Judicial Committee for the Constitution, gọi tắt là Uỷ ban tư pháp) với quyền "judicial review" tuyệt đối. Như vậy, quyền "judicial review" đã chuyển từ tay Toà án tối cao sang Uỷ ban tư pháp . Sau khi Uỷ ban tư pháp ra đời, nếu toà án thấy luật nào đó vi hiến, toà sẽ ngừng xét xử và gửi ý kiến lên Uỷ ban này để Uỷ ban ra phán quyết về tính hợp hiến của luật đó. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 1946 lại trao cho Nghị viện Thái Lan quyền giải thích hiến pháp, theo đó các câu, từ

trong hiến pháp như đã được Nghị viện giải thích chỉ có hiệu lực khi giành được sự tán thành của một nửa số nghị sĩ của cả hai viện. Như vậy, theo Hiến pháp năm 1946, quyền giải thích hiến pháp và quyền bảo vệ hiến pháp bị tách rời vì cơ quan bảo hiến ở Thái Lan lúc đó (Uỷ ban tư pháp) không có thẩm quyền giải thích hiến pháp. Kết quả là nếu Uỷ ban tư pháp ra phán quyết chống lại Chính phủ, Nghị viện luôn luôn có thể phủ nhận phán quyết của Uỷ ban tư pháp với lí do là Uỷ ban đã giải thích hiến pháp không đúng cách khi đưa ra phán quyết.

Những bản hiến pháp được ban hành trong gần nửa thế kỉ tiếp theo ở Thái Lan vẫn tiếp tục trao cho Nghị viện quyền giải thích hiến pháp. Mãi tới khi Hiến pháp năm 1991 được thông qua, sự bất thường này mới được chỉnh sửa và quyền giải thích hiến pháp mới được trao cho Cơ quan tài phán hiến pháp.

Tuy nhiên việc làm này cũng không đạt được mục tiêu nhằm phi chính trị hoá quá trình "judicial review" do Cơ quan tài phán hiến pháp vẫn bị khối hành pháp kiểm soát chứ không được phép hoạt động như một cơ quan tư pháp độc lập. Mặc dù cách thức thực hiện quyền bảo hiến và phạm vi quyền lực của cơ quan bảo hiến ở Thái Lan nđã thay đổi từ hiến pháp này sang hiến pháp khác trong những thập kỉ vừa qua nhưng theo một số nhà bình luận, vấn đề cơ bản không hề thay đổi, đó là cơ quan bảo hiến Thái Lan vẫn là tổ chức chính trị đúng hơn là một bộ phận của ngành tư pháp.

Thậm chí các cán bộ xét xử của cơ quan này không phải là những người làm việc toàn thời gian mà chỉ là những cán bộ kiêm nhiệm, làm việc toàn thời gian ở các cơ quan khác như là Chủ tịch Thượng nghị viện, chưởng lí, hoặc chánh toà của các toà án khác. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 1997 cố gắng hạn chế sự can thiệp chính trị vào quá trình "judicial review" bằng cách thành lập ra Toà án hiến pháp độc lập với chức năng giải thích hiến pháp. Để tạo điều kiện mở rộng cơ hội cho Toà thực thi trách nhiệm giải thích hiến pháp, Hiến pháp năm 1997 đã quy định thêm một số tình huống để Toà xúc tiến thủ tục "judicial review". Ví dụ: Điều 198 trao quyền cho Thanh tra Nghị viện được chuyển bất cứ vụ nào mà Thanh tra đã coi là vi phạm hiến pháp tới Toà án hiến pháp. Điều 28 thậm chí còn sáng kiến hơn ở chỗ lần đầu tiên, cho phép những công dân có quyền và sự tự do hiến định bị vi phạm, có thể viện dẫn điều khoản đó của hiến pháp để khiếu kiện tại toà nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình... Những quy định này cũng đồng nghĩa với việc tước bỏ quyền tuỳ tiện xúc tiến thủ tục "judicial review" của toà án; đồng thời mở

rộng phạm vi tiến hành "judicial review" vì thông qua khiếu nại của công dân, tính hợp hiến của bất kì văn bản pháp luật nào cũng có thể bị đưa ra xem xét tại toà.

3. Toà án hiến pháp đương thời của Thái Lan

Hiến pháp hiện hành của Thái Lan, tương tự như Hiến pháp năm 1997, vẫn tiếp tục trao quyền giải thích hiến pháp và quyền xem xét tính hợp hiến của các văn bản pháp luật cho Toà án hiến pháp.(10) Cùng với phán quyết của Toà án tối cao, từ năm 1997, phán quyết của Toà án hiến pháp cũng có giá tri ràng buôc.

3.1. Nhân sự của Toà án hiên pháp Thái Lan

Từ khi mới ra đời theo Hiến pháp năm 1997, Toà án hiến pháp đã hoạt động độc lập với 15 thẩm phán làm việc toàn thời gian, đo Hoàng đế Thái Lan bổ nhiệm trên cơ sở kiến nghị của Thượng nghị viện. Trong số15 thẩm phán, 7 thẩm phán đến từ Toà án tối cao và Toà án hành chính tối cao; 8 thẩm phán còn lại đại diện cho giới trí thức thuộc hai chuyên ngành: khoa học luật và khoa học chính trị. Lần đầu tiên trong lịch sử, các thẩm phán của Toà án hiến pháp được pháp luật coi là quan chức tư pháp chứ không phải các chính trị gia hay công chức. Hiến pháp năm 2007 đã giảm thiểu số lượng thẩm phán của Toà án hiến pháp xuống còn 9 thẩm phán và dành đa số ghế (5 ghế) cho các thẩm phán là thành viên của ngành tư pháp và số ghế ít hơn dành cho các thẩm phán đại diện cho giới trí thức. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2007 vẫn tiếp tục trao thẩm quyền bổ nhiệm thẩm phán cho Hoàng đế và quyền tư vấn bổ nhiệm thẩm phán cho Thượng nghị viện.

Tương tự như Hiến pháp năm 1997, Hiến pháp năm 2007 cũng yêu cầu các thẩm phán Toà án hiến pháp phải vượt lên trên các vấn đề chính trị. Theo đó, các ứng cử viên vào chức thẩm phán Toà án hiến pháp có thể không phải là hoặc đã từng là thượng nghị sĩ, hạ nghị sĩ; hoặc có thể không phải là đảng viên của bất kì đảng phái chính trị nào trong vòng ba năm trước khi trở thành thẩm phán Toà án hiến pháp; không phải là cán bộ chính trị hoặc thành viên của bất kì cơ quan quyền lực hay cơ quan quản lí nhà nước nào ở địa phương. Các thẩm phán phải thực sự coi công việc tại Toà án hiến pháp là sự nghiệp của họ trong vòng chín năm. Trong vòng 15 ngày kể từ khi được bầu, thẩm phán Tòa án hiến pháp phải từ bỏ cương vị đã và đang nắm giữ trong các cơ quan chính phủ hoặc tại các doanh nghiệp, các hợp danh hay các tổ chức hoạt động vì lợi nhuận (nếu có); họ cũng không được phép hành nghề độc lập. Cùng với việc phải đáp ứng được những tiêu trí trên, quá trình tuyển cử phức tạp sẽ đảm bảo các thẩm phán của Toà án hiến pháp không bị chi phối bởi các lợi ích chính trị và kinh tế. Ba thẩm phán của Toà án hiến pháp lấy từ thẩm phán Toà án tối cao và hai thẩm phán lấy từ thẩm phán Toà án hành chính tối cao, được lựa chọn bởi đại hội thẩm phán của mỗi toà bằng hình thức bỏ phiếu kín. Bốn thẩm phán còn lại được đề cử từ các ứng cử viên thuộc tầng lớp trí thức gồm các nhà khoa học trong hai lĩnh vực pháp luật và chính trị.

Sự ra đời của Toà án hiến pháp là một trong những sự kiện quan trọng nhất của quá trình cải tổ chính trị ở Thái Lan. Quyền giải thích hiến pháp gắn liền với các cuộc

cải tổ nằm trong tay của 15 thẩm phán theo Hiến pháp năm 1997 và 9 thẩm phán theo Hiến năm 2007. Nếu họ dao động trong việc thực thi nhiệm vụ của mình hoặc nếu họ cho quan điểm chính trị chi phối việc giải thích đúng đắn hiến pháp thì Hiến pháp năm 1997 trước đây và Hiến pháp năm 2007 hiện nay khó có thể làm nền tảng cho một chế độ chính trị dựa trên những nguyên tắc pháp trị (rule of law).

3.2. Thẩm quyền của Toà án hiến pháp Thái Lan.

Toà án hiến pháp Thái Lan ra đời với sứ mệnh phán xét hiệu lực của các văn bản pháp luật và các quyết định hành chính căn cứ vào các điều khoản của hiến pháp với thẩm quyền hết sức rộng. Toà án có quyền xem xét khả năng áp dụng của một luật trên thực tế và xem liệu luật đó có được áp dụng phù hợp với hiến pháp. Khi một luật được áp dụng để giải quyết một vụ việc đang được xem xét, toà án thụ lí vụ việc để giải quyết sẽ áp dụng các điều khoản của luật đó trừ khi toà thấy luật đó có thể trái với quy định của Hiến pháp. Khi đó, toà có nghĩa vụ chuyển vụ việc đang xem xét tới Toà án hiến pháp để Toà phán xét liệu có sự xung đột giữa luật nói trên với một quy định nào đó trong Hiến pháp.

Toà án hiến pháp có quyền ra phán quyết về tính hợp hiến của một dự luật, một luật, một hoặc một số điều khoản của một luật. Toà có quyền tuyên một luật hay một phần của luật vô hiệu và tính không thể cưỡng chế của luật hay một phần của luật đó.

Toà cũng có quyền xem xét lại việc áp dụng bất kì luật nào đó có liên quan tới bất kì vụ việc nào mà toà án nào đó đã xử trong quá khứ. Toà án hiến pháp có thể dùng thẩm quyền của mình để giao vụ việc đó cho toà án khác với toà án trước đó đã xử hoặc để phản đối bất kì bên nào trong vụ kiện với lí do các quy định của luật có liên quan không phù hợp với hiến pháp. Trường hợp bị Toà án hiến pháp phản đối, toà án đang xử vụ việc phải đình chi việc xét xử và chuyển vụ việc đó lên Toà án hiến pháp.

Tương tự như Hiến pháp năm 1997, Hiến pháp 2007 (Điều 212) cũng cho phép cá nhân công dân Thái Lan - những người có quyền và sự tự do hiến định bị vi phạm, có thể khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của minh. Tuy nhiên, điểm mới của Hiến pháp năm 2007 là quyền khởi kiện nói trên được trực tiếp thực hiện tại Toà án hiến pháp. Như vậy, Hiến pháp mới đã bãi bỏ việc hạn chế quyền công dân trong việc khiếu kiện lên Toà án hiến pháp và bằng cách đó đã mở rộng khả năng tiếp cận trực tiếp với quá trình "judicial review" của công dân Thái Lan.

Phán quyết của Toà án hiến pháp được coi là chung thẩm và có giá trị ràng buộc Nghị viện, Hội đồng bộ trưởng, các toà án khác và các cơ quan nhà nước. Điều đó có nghĩa là phán quyết của Toà án hiến pháp không thể bị kháng cáo, kháng nghị lên Toà án tối cao Thái Lan và là phán quyết cuối cùng mà tất cả các cơ quan quyền lực nhà

nước, cơ quan quản lí nhà nước, các toà án và các cơ quan, tổ chức khác của nhà nước phải tuân thủ.

IV. TỔNG QUAN VỀ HIẾN PHÁP THÁI LAN

Thái Lan có 19 bản Hiến pháp và Hiến chương (hiến pháp lâm thời) kể từ cuộc đảo chính năm 1932.

Hiến chương lâm thời chính quyền Siêm năm 1932
Hiến pháp Vương quốc Siêm năm 1932
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1946
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan (tạm thời) 1947
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1949
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1932 (sửa đổi năm 1952)
Hiến chương chính quyền Vương quốc Thái Lan 1959
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1968
Hiến chương tạm thời chính quyền Vương quốc Thái Lan 1972
Hiến pháp chính quyền Vương quốc Thái Lan 1974
Hiến pháp chính quyền Vương quốc Thái Lan 1976
Hiến chương chính quyền Vương quốc Thái Lan 1977
Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan 1978
Hiến chương chính quyền Vương quốc Thái Lan 1991
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1991
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 1997
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan (tạm thời) 2006
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan 2007
Hiến pháp Vương quốc Thái Lan (tạm thời) 2014

1. Hiến chương lâm thời chính quyền Siêm năm 1932

Sự thay đổi Hiến pháp thường diễn ra sau các cuộc đảo chính. Tuy có một số trường hợp đặc biệt Hiến pháp năm 1959 của nhà độc tài quân sự Sarit Thanarat được sử dụng liên tục dưới nhiều chính quyền. Cuộc đảo chính năm 2006 ra bản Hiến pháp tạm thời chứ không phải hiến chương.

Số lượng các bản Hiến pháp và Hiến chương cho thấy sự bất ổn trong chính trị Thái Lan. Đa số các Hiến chương và Hiến pháp là kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của các cuộc đảo chính quân sự. Hiến chương và Hiến pháp trong lịch sử Thái Lan không

được coi là công cụ cho người dân kiểm soát chính quyền nhưng lại là sự kiểm soát của chính quyền lên người dân.

Tất cả Hiến chương và Hiến pháp đều cho phép chế độ quân chủ lập hiến. Sự thay đổi thường là sức mạnh của cơ quan lập pháp tỷ lệ với các nhà lập pháp được bầu bổ nhiệm, quyền lực Hoàng gia, và quyền lực của cơ quan hành pháp. Tỷ lệ thường bị ảnh hưởng bởi sức mạnh chính trị và quân sự của chính quyền, và sự hỗ trợ của Hoàng gia.

Dựa vào mức độ cơ quan lập pháp có thể chia 17 bản Hiến pháp và Hiến chương ra làm 3 nhóm:

Cơ quan lập pháp bầu cử: cơ quan lập pháp được bầu hoàn toàn, Hiến pháp 1946 bao gồm bầu cả 2 viện và Hiến pháp năm 1997 cả 2 viện được bầu.

Bổ nhiệm cơ quan lập pháp: cơ quan lập pháp được bầu 1 phần và được chỉ định bởi chính quyền 1 phần. Các thành viên được bổ nhiệm vào cơ quan lập pháp đủ để hạn chế quyền hạn của đại biểu dân cử. Thủ tướng là lãnh đạo hoặc thành viên quân sự, hoặc là người của Hoàng gia. Bao gồm các bản Hiến pháp 1947, 1949, 1952, 1968, 1974, 1978, 1991.

Cơ quan hành pháp nắm quyền tuyệt đối: Người đứng đầu hành pháp gần như nằm quyền tuyệt đối hoặc nằm quyền hoàn toàn tuyệt đối, có hoặc không có cơ quan lập pháp, cơ quan lập pháp được bổ nhiệm hoàn toàn. Thủ tướng là lãnh đạo hoặc thành viên quân sự, hoặc là người của Hoàng gia. Bao gồm bản Hiến pháp 1932, 1959, 1972, 1976, Hiến chương 1991, và Hiến pháp tạm thời 2006.

Hiến chương tạm thời năm 1932

Ngày 24/6/1932 Đảng Nhân dân, đảng liên minh của công chức, hoàng thân, và sĩ quan quân đội đã làm nên cuộc đảo chính không đổ máu. Một bản Hiến pháp tạm thời được gủi đến vua Prajadhipok và 1 tối hậu thư của lãnh đạo Đảng. Ngày 26/6 Quốc vương gặp các lãnh đạo Đảng và từ chối kỳ vào bản Hiến chương tạm thời. Ngày hôm sau, Quốc vương gặp lãnh đạo Đảng lần nữa và đồng ý ký công nhận bản Hiến chương.

Lãnh đạo Đảng Nhân dân xây dựng hiến chương theo cấu trúc của Nghị viện Anh. Sự khác biệt đặc biệt quan trọng liên quan tới quyền hạn của Quốc vương.

Hiến chương bắt đầu bằng câu nói "quyền lực tối cao thuộc về nhân dân". Trao quyền để thực thi quyền lực trên danh nghĩa bởi Hội đồng Nhân dân (cơ quan lập pháp) gồm 70 người do Đảng Nhân dân bổ nhiệm, Ủy ban Nhân dân (cơ quan hành pháp) gồm 15 người, Tòa án pháp luật (cơ quan tư pháp) và Quốc vương. Thành viên của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ban đầu được bổ nhiệm, sau 10 năm hoặc sau khi phổ cập giáo dục tiểu học hoàn thành 1 nửa sẽ bầu cử hoàn toàn.

Quốc vương không có ảnh hưởng được sai lầm. Có quyền hạn chế miễn trừ tối cao: mặc dù không bị truy tố bởi các tòa án thông thường nhưng có thể bị Quốc hội có thể buộc tội và xét xử. Quốc vương không có quyền cấp giấy ân xá.

Thực tế Đảng Nhân dân nhượng bộ Hoàng gia trong khi thành lập Chính phủ. Thủ tướng và Ngoại trưởng được trao cho 2 người theo chủ nghĩa bảo hoàng cứng rắn là: Phraya Manopakorn Nitithada và Phraya Srivisan Vacha. Và 4 thành viên trong Ủy ban Nhân dân được trao cho người bảo hoàng không thuộc Đảng Nhân dân. Trong số 70 thành viên trong Hội đồng Nhân dân, ít hơn 35 người là thành viên của Đảng Nhân dân, số còn lại là thành viên của chế độ cũ.

Mặc dù Hiến chương bị chống đối kịch liệt từ Hoàng gia. Chính phủ mới giảm ngân sách cho Hoàng gia và thuế cho chủ đất lớn nhất Vương quốc, những người chủ yếu là quý tộc. Tháng 9/1932 một hoàng tử cấp cao đã đe dọa Quốc vương sẽ thoái vị nếu Hiến pháp không cho Hoàng gia có quyền lực lớn hơn.

Hiến pháp năm 1932

Đảng Nhân dân vấp phải sự đấu đá trong nội bộ, và phe đối lập của Quốc vương đã ban hành đã ban hành Hiến pháp thường trực ngày 10/12/1932 gia tăng quyền lực của Hoàng gia lên so với Hiến chương tạm thời. Ngày này được gọi là ngày Hiến pháp.

Hiến pháp tiếp tục khẳng định rằng quyền lực tối cao thuộc về nhân dân. Tuy nhiên không giống Hiến chương tạm thời, Hoàng gia sẽ trực tiếp điều hành quyền lực, chứ không thuộc về các nhánh của chính phủ. Hoàng gia sẽ thực thi quyền lực với tham mưu và sự đồng ý của Hội đồng Nhân dân, Hội đồng Nhà nước (Nội các) và tòa án. Tuy nhiên nếu thiếu đi sự đồng ý của bất cứ nhành nào thì quyền phủ quyết sẽ được công nhận. Hoàng gia được "quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm" khác so với Hiến chương tạm thời.

Sau khi Hiến pháp mới được ban hành, Nội các mới được thành lập gồm 20 người, trong đó 10 người đến từ Đảng Nhân dân. Ngày 7/1/1933 Đảng Dân tộc chủ nghĩa đăng ký chính thức với các lãnh đạo là Luang Vichitvadakan, Phraya Thonawanikmontri, và Phraya Senasongkhram. Đảng Nhân dân được đăng ký chính thức tháng 8/1932. Quốc hội mở rộng tới 156 thành viên, 76 bổ nhiệm và 76 bầu cử.

Nhu cầu cải cách Hiến pháp

Ngày 31/3/1933 Quốc vương gủi thư tới Thủ tướng yêu cầu giải tán tất cả các đảng chính trị. Ngày 14/4 Thủ tướng giải tán Đảng Nhân dân. Sau đó hoãn cơ quan lập pháp và cải tổ lại lãnh đạo quân đội cho lãnh đạo Phraya Phichaisongkhram và Phraya Sri Sithi Songkhram là 2 lãnh đạo quân đội trong quân chủ chuyên chế. Ngày 20/6 những thành viên còn lại của Đảng Nhân dân trong quân đội nắm quyền và phục

hồi cơ quan lập pháp. Chuẩn tướng Phraya Phahon Phonphayuhasena thành viên Đảng Nhân dân nắm quyền Thủ tướng

Tháng 8/1933 Nội các bắt đầu đăng ký các ứng cử viên của các làng, người sẽ bầu một nửa số thành viên cơ quan lập pháp. Đồng thời cũng đăng ký các ứng cử viên cho cơ quan lập pháp. Cuộc bầu cử diễn ra vào tháng 10, diễn ra toàn bộ vào tháng 11.

Trong thời gian diễn ra bầu cử, tháng 10/1933 thành viên của phe bảo hoàng Hoàng thân Boworadej và Phraya Sri Sitthi Songkhram dẫn đầu cuộc nổi dậy chống Chính phủ. Sau 2 tuần giao tranh, Bangkok bị đánh bom và Sitthi Songkhram bị giết chết, Đảng Nhân dân đánh bại cuộc nổi dậy. Hoàng thân Boworadej chạy trốn sang Đông Dương. Quốc vương Prajadhipok người tuyên bô trung lập trong cuộc nổi dậy cũng đã sang Anh vài tuần sau khi nổi dậy thất bại.

Tại Anh Quốc vương gửi tối hậu thư: để đòi lại quyền lực của mình, tính hợp pháp của Đảng Nhân dân và yêu cầu tu chính Hiến pháp. Nhưng Đảng Nhân dân bác bỏ tối hậu thư, tháng 3/1935 Quốc vương thoái vị.

Các cuộc bầu cử dân chủ diễn ra bầu một nửa cơ quan lập pháp vào ngày 7/11/1937. Phụ nữ lần đầu tiên có quyền bầu cử và ứng cử.

Hiến pháp năm 1946

Sau khi Đệ nhị thế chiến kết thúc, các lãnh đạo đã hợp tác với Nhật bị xét xử tội ác chiến tranh, các cuộc bầu cử diễn ra dân chủ được tổ chức, Quốc vương Ananda Mahidol trở về Thái Lan sau 7 năm. Quốc vương vừa tròn 20 tuổi tháng 9/1945 quay về Thái Lan với mẫu thân và Hoàng thân Bhumibol tháng 12/1945.

Hiến pháp mới được công bố, được xem là dân chủ nhất được soạn thảo để tôn vinh Quốc vương. Thủ tướng Pridi Banomyong gọi nó là bản hiến pháp có nhân quyền nhất cho người dân Thái Lan. 2 viện Quốc hội được thành lập, Hạ viện gồm 176 người được bầu lại hoàn toàn, và Thượng viện gồm 80 người được bầu với nhiệm kỳ 6 năm. Trong đó thành viên trong quân đội bị cấm hoạt động trong Chính phủ và Quốc hội, làm suy yếu quyền lực của quân đội. Đồng thời bãi bỏ lệnh cấm cho thành viên Hoàng gia ứng cử và tranh cử.

Hiến pháp được ban hành ngày 9/5/1946. Một tháng sau, ngày 9/6/1946 Quốc vương bị phát hiện đã tự tử, và sau đó cuộc đảo chính quân đội ngày 8/11/1947 đã bãi bỏ Hiến pháp 1946.

Hiến pháp năm 1947

Quân đội tiến hành đảo chính lật đổ Thủ tướng Chuẩn Đô đốc Thawan Thamrongnawasawat vào ngày 8/11/1947, trong bối cảnh bất ổn chính trị tiếp diễn sau cái chết của Quốc vương Ananda Mahidol. Cuộc đảo chính khôi phục quyền lực

của Thống tướng Plaek Phibunsongkhram và được hỗ trợ bởi Phin Choonhavan, Seni Pramoj và Hoàng gia. Các lãnh đạo cuộc đảo chính cáo buộc sự tham nhũng của Chính phủ, hạ thấp sự thiêng liêng của bản Hiến pháp 1946 vua Ananda, để chứng minh các bằng chứng kền kền đã xuất hiện tại Sanam Luang. Kền kền cũng đã xuất hiện ở Ayutthaya trước khi bị Miến Điện chiếm đóng, điều này được sử dụng để biện minh cho cuộc đảo chính.

Nhiếp chính Hoàng thân Rangsit chấp thuận cuộc đảo chính, và ngay lập tức công bố Hiến chương mà lãnh đạo đảo chính đã soạn thảo. Quốc vương Bhumibol đang học tại nước ngoài đã ủng hộ cuộc đảo chính và Hiến chương ngày 25/11.

Hiến chương mới cung cấp Hoàng gia sự yêu cầu bắt buộc: Hội đồng Tối cao Nhà nước (sau đổi thành Hội đồng Cơ mật) là cơ quan tham mưu và tư vấn cho Hoàng gia Quốc vương. Hội đồng gồm 5 thành viên do Quốc vương bổ nhiệm có vai trò nhiếp chính khi Quốc vương vắng mặt. Hoàng gia có thêm quyền kiểm soát của mình, gia đình Hoàng gia, chi tiêu Hoàng gia, và quân đội Hoàng gia. Quốc vương được có một số quyền khẩn cấp như tuyên bố chiến tranh hoặc ban bố tình trạng khẩn cấp.

Hoàng gia bổ nhiệm Thượng viện, với 100 thành viên tương đương với Hạ viện. Giống như bản Hiến pháp trước đó Quốc vương không có quyền phủ quyết tuyệt đối. Tuy nhiên việc Quốc vương bổ nhiệm Thượng viện khi kết hợp với Hạ viện thông qua đa số Quốc hội thì quyền phủ quyết vẫn có thể thông qua. Chủ tịch Hội đồng Tối cao Nhà nước phải phê chuẩn nội quy của Hoàng gia thì mới có hiệu lực (khi Hiến pháp được công bố, Quốc vương Bhumibol không nắm quyền và Hội đồng Cơ mật nhiếp chính vì vậy có quyền bổ nhiệm Thượng viện và phủ quyết tuyệt đối). Việc cấm binh sĩ tham gia Quốc hội và Nội các bị gỡ bỏ. Một sự thay đổi quan trọng khẳng định rằng chính sách của chính quyền không thể thành công nếu không được Hoàng gia chấp thuận. Một hệ thống bầu cử mới được sửa đổi.

Điều đáng ngạc nhiên khi Hội đồng Tối cao Nhà nước không phê chuẩn danh sách tạm thời Thượng viện do quân đội đề xuất. Thượng viện đáp ứng Hoàng thân, quý tộc và doanh nhân chỉ có 8 người được bổ nhiệm từ danh sách quân đội. Kiểm soát toàn bộ Hoàng cung, thanh lọc gần 60 người, và thay thế nhân viên được bổ nhiệm từ Chính phủ trước.

Khuang Aphaiwong được bổ nhiệm làm Thủ tướng và đồng ý Hiến pháp mới sẽ được soạn thảo sau cuộc bầu cử Hạ viện ngày 29/1/1948. Đảng Dân chủ do Seni Pramoj và Khuang Aphaiwong lãnh đạo chiếm đa số và chính thức thành lập liên minh nội các với Hoàng cung. Căng thẳng quân đội và Hoàng cung gia tăng, tới tháng 4 một nhóm sĩ quan quân đội gặp Thủ tướng Khuang và Hoàng thân Rangsit, yêu cầu Thủ tướng từ chức thành công và Thống tướng Plaek được bổ nhiệm làm Thủ tướng.

Hiến pháp năm 1949

Hiến pháp 1949 ban hành để thay thế Hiến chương tạm thời 1948. Ban soạn thảo do Seni Pramoj lãnh đạo và chịu sự chi phối của phe bảo hoàng dưới sự chỉ đạo của Hoàng thân Rangsit và Hoàng thân Dhani.

Hiến pháp gia tăng quyền lực của ngai vàng, Hội đồng Tối cao Nhà nước gồm 9 người do Quốc vương lựa chọn, Thượng viện gồm 100 thành viên cũng do Quốc vương chọn lựa một mình. Chủ tịch Hội đồng Cơ mật sẽ phê chuẩn các luật chứ không phải là Thủ tướng. Quyền phủ quyết của Quốc vương gia tăng, chỉ cần 2/3 Quốc hội có thể phủ quyết.

Quốc vương có thể ban hành nghị định riêng tương đương với Chính phủ. Quốc vương cũng có quyền kêu gọi toàn dân đầu phiếu thông qua việc trưng cầu dân ý, Quốc hội và Chính phủ về việc sửa đổi Hiến pháp. Hội đồng Cơ mật sẽ đặt tên người thừa kế chứ không phải Quốc hội.

Hiến pháp năm 1952

Khi Quốc vương từ Thụy Sĩ trở về, quân đội nắm quyền lực từ Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Dhani, bãi bỏ Hiến pháp 1949 và bổ nhiệm Thống tướng Plaek làm nhiếp chính. 123 thành viên Quốc hội được bổ nhiệm trong đó 103 từ quân đội và cảnh sát.

Quốc hội tái sử dụng Hiến pháp 1932 có sửa đổi và bổ sung. Sau cuộc đối đầu giữa quân đội và Hoàng cung trong năm 1952, Quốc vương ban hành Hiến pháp ngày 8/3/1952. Cuộc bầu cử diễn ra tháng 3/1952 với việc bầu cử nửa số thành viên của cơ quan lập pháp, gần như tất cả thành viên được bổ nhiệm là sĩ quan quân đội. Cuộc bầu cử kế tiếp được tổ chức tháng 3/1957.

Hiến chương năm 1959

Tối 16/9/1957 Tướng Sarit Thanarat tiến hành đảo chính lật đổ Thủ tướng Plaek. Sarit bãi bỏ Hiến pháp 1952, Quốc hội và thiết quân luật kiểm soát qua Hội đồng cách mạng. Sarit và người kế nhiệm là những người tôn sùng vua Bhumibol, và dựa vào tài trợ Hoàng gia để có thể hợp pháp chế độ độc tài.

Một Hiến chương được ban hành tháng 2/1959. Hiến chương ban hành quyền lực của Thủ tướng gần như tuyệt đối, bao gồm phán xét và ban hành lệnh hành quyết. Cấm đảng chính trị và Quốc hội trở thành đơn viện, bổ nhiệm 240 thành viên chủ yếu đều là quân nhân. Hiến chương bao gồm 20 điều nhưng được xem là Hiến pháp kinh khủng, khét tiếng và ngắn nhất lịch sử Thái Lan.

Hiến pháp năm 1968

Tướng Thanom Kittikachorn thay thế Sarit nắm quyền trong bối cảnh lực lượng cộng sản gia tăng tại Thái Lan và Mỹ leo thang chiến tranh tại Đông Dương. Hoa Kỳ

viện trợ cho chính quyền Thái Lan 1 tỷ US, nhưng tham nhũng tràn lan. Trong chuyến thăm của vua Bhumibol thăm Mỹ, phong trào phản chiến gây áp lực chính quyền Hoa Kỳ để giảm hỗ trợ chế độ.

Một hiến pháp mới được ban hành 20/6/1968, với sự dân chủ chỉ trên danh nghĩa. Hiến pháp hợp thức hóa chế độ độc tài quân sự của Thanom, Quốc hội có 2 viện với 219 thành viên Hạ viện và 164 thành viên Thượng viện do vua bổ nhiệm. Trái với nguyên tắc dân chủ, thành viên của Hạ viện không được nắm quyền trong Nội các, ngoài ra Thượng viện có thể trì hoãn bất cứ luật nào tới 1 năm, Chủ tịch Thượng viện là Chủ tịch Quốc hội. Vua Bhumibol phê chuẩn danh sách thành viên Thượng viện chủ yếu là thành viên quân đội của Thanom. Hiến pháp cũng xác nhận các luật pháp trước đây của chế độ, bao gồm cho phép chống cộng sâu rộng chủ yếu là đàn áp bất đồng chính kiến.

Vào tháng 2/1969 cuộc bầu cử dân chủ diễn ra với kết quả Thanom chiến thắng đa số trong Hạ viện.

Hiến chương tạm thời 1972

Giữa lúc xung đột xã hội và chính trị tăng cao, ngày 17/11/1971 Tướng Thanom và Phó Thủ tướng Praphas Charusathien tiến hành đảo chính lật đổ Nội các, Quốc hội và thiết quân luật bãi bỏ Hiến pháp, thành lập Hội đồng điều hành Quốc gia. Thanom làm Thủ tướng, Tư lệnh Tối cao, Bộ trưởng Quốc phòng và Ngoại giao. Praphas Charusathien làm Phó Thư tướng, Tư lệnh Lục quân, Bộ trưởng Nội vụ, Công An và đứng đầu hoạt động chống cộng. Tuyên bố đảo chính trên truyền hình, Thanom mở tráp thư của Quốc vương trên khay vàng. Cùng với Narong Kittikachorn chế độ này được gọi là "3 bạo chúa".

Cuộc biểu tình đình công diễn ra đồng thời với việc suy thoái kinh tế và lạm phát tăng cao. Một cuộc tấn công thảm khốc chống lại Đảng Cộng sản Thái Lan (CPT) đã được đưa ra. Khi căng thẳng đạt tới đỉnh điểm vào tháng 12/1972 Thanom soạn thảo Hiến pháp mới. Tương tự Hiến pháp của Sarit, nó tăng cường sức mạnh quân đội của chế độ độc tài. Các đảng chính trị bị cấm, và hoàn toàn chỉ định đơn viện 299 thành viên quốc hội lập pháp quốc gia, trong số đó 200 là quân đội và cảnh sát được thành lập. Hành pháp giữ quyền kiểm soát mạnh mẽ hơn cơ quan lập pháp.

Hiến pháp năm 1974

Hiến chương tạm thời thất bại trong việc ngăn chặn phe đối lập chống lại "3 bạo chúa". Ngày 13/10/1973, cuộc biểu tình với 400000 diễn ra tại tượng đài Dân chủ. Xế chiều vua Bhumibol triệu tập Thanom và Praphas tới Hoàng cung, tại đó họ đồng ý sẽ soạn thảo Hiến pháp mới trong vòng 12 tháng. Cuộc biểu tình tan rã cuối tối đó, vào sáng hôm sau lực lượng quân đội cảnh sát bắt đầu bắt những người biểu tình còn ở lại,

và đã bắn chết khoản 70 người. Tại Narong Kittikachorn đám đông bị bắt bởi trực thăng. Giữa lúc căng thẳng đang diễn ra Thanom và Praphas tuyên bố từ chức nhưng vẫn lãnh đạo quân đội. Họ ra lệnh điều thêm quân đàn áp biểu tình nhưng bị ngăn cản bởi Krit Srivara Phó Tư lệnh Lục quân. Sau đó Thanom và Praphas cũng từ chức lãnh đạo quân đội. Quốc vương Bhumibol bổ nhiệm Sanya Dharmasakti vào chức vụ Thủ tướng.

Thủ tướng Sanya thành lập ban soạn thảo Hiến pháp với Bộ trưởng Tư pháp Prakob Hutasing, Kukrit Pramoj và một số viện nghiên cứu. Họ ban hành dự thảo Hiến pháp ngày 8/1/1974.

Có sự quan ngại cho rằng Quốc hội do Thanom bổ nhiệm sẽ không thích hợp cho việc phê duyệt dự thảo. Quốc vương đưa ra 1 nhóm gồm 2347 người do Quốc vương lựa chọn, người sẽ bổ nhiệm 299 người vào Ủy ban và 100 người để rà soát dự thảo.

Dự thảo Hiến pháp cho phép các đảng phái chính trị hợp pháp hóa. Và việc dựa theo dân số để bầu thành viên trong cơ quan lập pháp. Hạ viện có thể bầu Thượng viện, và thành viên của Chính phủ có thể là nghị sĩ Quốc hội. Trong động thái chưa từng có các nhà soạn thảo yêu cầu một cuộc trưng cầu dân ý về dự thảo Hiến pháp trước khi Quốc vương phê duyệt.

Sự phản đối dự thảo Hiến pháp từ một số thành viên trong Hoàng gia, do Kasem Chatikavanich đứng đầu. Một bản dự thảo Hiến pháp mới được yêu cầu việc gia tăng quyền lực của Quốc vương như bổ nhiệm Thượng viện, Hội đồng Cơ mật, và quyền phủ quyết chỉ cần 2/3 Quốc hội. Hơn nữa Thượng viện có thể không thông qua luật trong vòng 6 tháng sau khi được Hạ viện gửi. Công chức và binh lính không được tham gia Quốc hội nhưng có thể tham gia Chính phủ. Hiến pháp mới không cần phải thông qua cuộc trưng cầu dân ý.

Hoàng cung bổ sung thêm 2 điều, việc kế vị sẽ chuyển cho công chúa nếu không có hoàng tử. Luật Hoàng cung năm 1924 cấm Nữ vương. Thứ 2 Luật Hoàng cung có thể được sửa đổi, trước đó luật Hoàng cung là bất biến.

Dự thảo mới rất khác so với dự thảo ban đầu, và Thủ tướng Sanya đã từ chức vì bị áp lực từ việc soạn thảo. Dự thảo mới được phê duyệt thông qua ngày 7/10/1974. Cuộc bầu cử lập pháp tiếp diễn vào tháng 1/1975 không đảng nào chiến thắng đa số. Liên minh Dân chủ của Seni Pramoj được thành lập ngày 15/2/1975, nhưng liên minh này bất ổn và chỉ sau gần 1 tháng đã bị thay thế bởi liên minh Xã hội hành động của Kukrit Pramoj.

Hiến pháp năm 1976

Chính phủ Liên minh Kukrit gây nhiều tranh cãi, chi phối trong bối cảnh bạo lực chống cánh tả tiếp diễn. Nhà riêng của Kukrit bị lục soát và khám xét bởi lực lượng

cảnh sát tháng 8/1975. Hoàng cung tham gia gián tiếp vào công việc chính trị, vào tháng 1/1976 quân đội yêu cầu Thủ tướng tuyên bố giải tán Quốc hội. Cuộc bầu cử dự kiến tổ chức ngày 14/4, và gần tới ngày bầu cử bạo lực tiếp tục leo thang. Đảng Dân chủ của Seni Pramoj chi phối gần hết Quốc hội, và việc thành lập liên minh không vững chãi.

Chính phủ Seni được thành lập vào tháng 4/1976, nhưng chịu nhiều áp lực lớn. Một dự luật bầu cử mở rộng địa phương được thông qua bởi Quốc hội, nhưng Quốc vương từ chối ký và sử dựng quyền phủ quyết để không thông qua. Việc chống cánh tả gia tăng, Praphas Charusathien lưu vong trở về nước gặp Quốc vương. Sinh viên biểu tình bị lực lượng bán quân sự Krathing Daeng tấn công. Ngày 19/9/1976 Thanom trở về nước ngay lập tức được phong tu sĩ tại chùa Wat Bovornives. Các cuộc biểu tình lớn nổ ra. Quốc vương và Hoàng hậu có chuyến đi đến miền nam và gặp Thanom, Seni từ chức để phản đối chuyến thăm, nhưng bị Quốc hội phủ quyết. Những hành động cải tổ nội các của Seni bị Quốc vương ngăn cản. Sự căng thẳng chính trị cuối cùng diễn ra ngày 6/10/1976 khi lực lượng Luksuea Chaoban và Krathing Daeng tham gia với quân đội và cảnh sát đã hãm hiếp và giết chết 46 sinh viên biểu tình trường Đại học Thammasat. Buổi tối hôm đó quân đội nằm quyền và bổ nhiệm Tanin Kraivixien người thuộc phe bảo hoàng vào chức vụ Thủ tướng.

Cuộc đảo chính được ủng hộ bởi Quốc vương. Hiến pháp mới được ban hành vào năm 1976, quyền hạn Thủ tướng gần như tuyệt đối, bao gồm cả quyền miễn trừ tư pháp. Đảng phái chính trị bị cấm, Quốc hội do Quốc vương bổ nhiệm với 360 người với quan chức và sĩ quan. Ngoài ra Quốc vương còn có đặc quyền mới, quyền lực để đưa ra luật riêng để Quốc hội thông qua.

Tanin đưa các vụ án Hình sự ra Tòa án Quân sự xét xử và cảnh sát có thể giam giữ người nghi án trong vòng 6 tháng. Hình phạt khi quân trở nên cứng rắn và phạm vi được mở rộng. Nhiều người bị buộc tội. Tất cả các cuộc biểu tình bị cầm (trừ các cuộc biểu tình của Hoàng gia) phương tiện truyền thông bị kiểm duyệt chặt chẽ, lực lượng cảnh sát lùng xục các trường học để tịch thu theo danh sách đen. Cuộc nổi dậy của lực lượng cộng sản leo thang tới sát cuộc chiến tranh toàn diện.

Hiến chương năm 1977

Chế độ độc tài Tanin gây phẫn nộ từ phe đối lập và cả quân đội. Ngày 20/10/1977 quân đội do Kriangsak Chomanan lãnh đạo lật đổ Tanin. Quốc vương phản đối thông qua Hội đồng cơ mật của mình, nhưng cuối cùng cũng công nhận Hiến chương của quân đội đưa ra.

Hiến chương năm 1977 gần giống với Hiến pháp 1976. Sự khác biệt quan trọng là sự thay đổi tên của chính quyền thành Hội đồng Chính sách Quốc gia.

Chính quyền mới cam kết soạn thảo 1 bản Hiến pháp mới lâu dài, và cuộc bầu cử sẽ diễn ra năm 1979. Hội đồng Chính sách Quốc gia với 3 thành viên bổ nhiệm nội các. Quan hệ với Trung Cộng, Việt Nam và Lào được cải thiện. Với nhiều chính sách quan trọng khiền cho tình hình chính trị căng thẳng với Đảng Cộng sản Thái Lan giảm xuống.

Chính quyền Kriangsak tiếp tục vượt mặt Quốc vương, lật đổ Tanin vào Hội đồng Cơ mật, ân xá cho những người biểu tình và sinh viên đã bị chính quyền Tanin bắt giữ trong nhiều năm.

Hiến pháp năm 1978

Kriangsak soạn thảo Hiến pháp dân chủ hơn trong năm 1978. Hiến pháp thành lập Quốc hội lưỡng viện gồm 301 đại biểu được bầu tại Hạ viện và 255 đại biểu được bổ nhiệm tại Thượng viện. Thủ tướng, không phải Quốc vương bổ nhiệm Thượng viện. Hạ viện có thể yêu cầu tại Quốc hội về việc bỏ phiếu bất tín nhiệm. Tuy nhiên Thượng viện có thể ngăn cản các dự thảo luật của Hạ viện liên quan tới an ninh quốc gia, kinh tế, ngân sách và việc bỏ phiếu bất tín nhiệm. Đáng kể nhất, bản Hiến pháp tạo giai đoạn chuyển giao tới ngày 21/4/1983 công chức và quân đội không được nắm quyền Thủ tướng và Nội các.

Cuộc bầu cử Hạ viện, các đảng phái tiếp tục bị cấm được diễn ra vào tháng 4/1979. Kết quả liên minh chính trị tiếp tục cử Kriangsak làm Thủ tướng. Cuộc khủng hoảng dầu lửa đã gây lạm phát tràn lan, dẫn tới việc Kriangsak từ chức Thủ tướng (mà không giải tán Quốc hội) vào tháng 2/1980. Một chính phủ liên minh mới được thành lập bổ nhiệm bộ trưởng Quốc phòng Prem Tinsulanonda làm Thủ tướng.

Prem nằm quyền 8 năm, chưa bao giờ phải tranh cử. Ông giữ quyền lực mặc dù các cuộc đảo chính quân sự với sự hỗ trợ từ Hoàng cung. Prem hợp pháp hóa các đảng chính trị.

Trong năm 1983, thời gian chuẩn bị kết thúc thời gian quá độ của Hiến pháp ngày 21/4, và sau đó ông sẽ phải từ chức. Prem có kế hoạch sửa đổi Hiến pháp để nằm quyền vĩnh viễn. Hỗ trợ cho Prem, Pichit Kullavanich tuyên bố sửa đổi không được thông qua có thể tiến hành đảo chính. Sự sửa đổi vấp phải sự phản đối ngay trong chính quân đội, dẫn tới sự thất bại trong việc sửa đổi ngày 16/3/1983.

Ngày 19/3/1983 Prem giải tán cuộc bầu cử Hạ viện dự kiến ngày 18/4. Chính phủ mới do đó sẽ thành lập theo các điều khoản chuyển tiếp, cho phép Prem tiếp tục là Thủ tướng trong 4 năm tiếp. Kế hoạch của Prem thành công và ông tiếp tục củng cố quyền lực của mình. Prem lưu ý rằng "Các lực lượng vũ trang sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất nước, độc lập dân tộc, dân chủ và các hệ thống dưới chế độ quân chủ."

Quốc hội đã nổi dậy chống lại Chính phủ vào năm 1986, khiến Prem buộc phải giải tán Quốc hội và tổ chức bầu cử ngày 27/7. Đảng Dân chủ tranh cử chống lại việc nắm quyền của Prem và giành quyền kiểm soát hầu hết các ghế trong Quốc hội. Nhưng liên minh chính phủ của họ vẫn tiếp tục bổ nhiệm Prem làm Thủ tướng. Sau đó Prem bị cáo buộc sử dụng Quốc vương và quân đội để nắm quyền lực.

Quốc hội bị giải tán và bầu cử Hạ viện ngày 24/7/1988. Cuộc bầu cử không có bất cứ đảng nào chiếm đa số buộc phải thành lập liên minh. Hàng nghìn người phản đối trước viễn cảnh Prem sẽ tiếp tục trở thành Thủ tướng, cho đến khi Prem tuyên bố không nằm quyền Thủ tướng nữa. Đảng Chart Thái giành được đa số ghế trong bầu cử và lãnh đạo Chatichai Choonhavan được chọn làm Thủ tướng.

Hiến pháp năm 1991

Ngày 23/2/1991 Tư lệnh Suchinda Kraprayoon tiến hành đảo chính lật đổ chính phủ của Chatichai, bãi bỏ Hiến pháp 1978 và thay thế bằng Hiến chương tạm thời. Thành lập Hội đồng gìn giữ Hòa bình Quốc gia (NPKC), các thành viên đảo chính bổ nhiệm Quốc hội đơn viện với 292 thành viên chủ yếu là sĩ quan quân đội và những người ủng hộ, do Ukrit Mongkolnavin đứng đầu. Ukrit bổ nhiệm Thủ tướng Anand Panyarachun và yêu cầu soạn thảo Hiến pháp mới vĩnh viễn.

Việc soạn thảo trở thành chiến trường của phe đối lập và quân đội. Quân đội ủng hộ gia tăng quyền lực của NPKC bổ nhiệm Thượng viện, với sức mạnh hơn Hạ viện, lớn hơn cả Hội đồng Cơ mật, và các quan chức không được bầu có thể tham gia Chính phủ. Điều khoản cuối cùng cho phép thành viên quân sự là Thủ tướng. Người dân được huy động để tham gia biểu tình, 50000 người biểu tình tại Sanam Luang ngày 19/11/1991. Quốc vương đã can thiệp vào ngày sinh nhật của mình 4/12 kêu gọi công chúng công nhận dự thảo Hiến pháp. Hiến pháp cho phép Suchinda Kraprayoon trở thành Thủ tướng, dẫn tới cuộc bạo động lật đổ chính phủ tháng 5/1992.

Hiến pháp năm 1997

Hiến pháp 1997 được ca ngợi là bước ngoặc cải cách chính trị dân chủ tại Thái Lan. Ban hành 11/10/1997, nó là bản Hiến pháp đầu tiên được soạn thảo bởi 1 Hội đồng do dân bầu ra, và do đó Hiến pháp còn được gọi "Hiến pháp của Nhân dân".

"Tháng Nam đen" cuộc nổi dậy chống Hội đồng gìn giữ Hòa bình Quốc gia (NPKC)-đang kiểm soát chính phủ, kêu gọi sửa đổi Hiến pháp và yêu cầu pháp lý với chính phủ. Tháng 6/1994 Prawes Wasi lãnh đạo Ủy ban Phát triển Dân chủ Hạ viện đã sửa đổi Hiến pháp năm 1991, nhưng việc sửa đổi không được thông qua. Sau sự sụp đổ của chính quyền Chuan Leekpai, và chính quyền Banharn Silpa-archa đã sửa đổi Hiến pháp năm 1991 vào ngày 22/10/1996.

Năm 1996 kêu gọi thành lập Hội đồng soạn thảo Hiến pháp với 99 thành viên. 76 thành viên sẽ được bầu trực tiếp từ mỗi tỉnh, 23 thành viên được lựa chọn bởi Quốc hội. Cựu Thủ tướng Anand Panyarachun được bầu làm Chủ tịch Hội đồng, các nhà khoa học chính trị và luật sư Chai-Anan Samudavanija, Amorn Chantarasomboon, Uthai Pimchaichon, và Borwornsak Uwanno đóng vai trò quan trọng trong Hội đồng. Tham vấn cộng đồng diễn ra trên khắp đất nước một cách toàn diện. Một số điều khoản, đặc biệt là yêu cầu tất cả các nghị sĩ có trình độ cử nhân, Tòa án Hiến pháp, và phân cấp gây chỉ trích mạnh mẽ. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 là động lực chính thành công của Hiến pháp.

Tổng quát Hiến pháp

Hiến pháp năm 1997 có nhiều sự thay đổi so với các bản Hiến pháp trước, bao gồm

Cải cách bầu cử. Bầu cử đã được thực hiện bắt buộc để đảm bảo tình trạng mua phiếu bầu. Một hệ thống bầu cử hỗn hợp của nước Đức đã được áp dụng cho Hạ viện. 100 thành viên của Hạ viện được bầu từ danh sách Đảng, còn lại 400 được bầu từ các đơn vị bầu cử. Các nghị sĩ đã được yêu cầu phải có một bằng cử nhân.Ủy ban Bầu cử độc lập được thành lập.

Tăng cường ngành hành pháp. 2/5 số phiếu của Hạ viện đã được yêu cầu cho một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm chống lại cuộc thảo luận của Thủ tướng. Một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm thành công cần đa số 1/2 số phiếu của Hạ viện. Chỉ có 1/5 số phiều của Hạ viện được yêu cầu không tín nhiệm đối với một Bộ trưởng. Những biện pháp này là nhằm tăng cường sự ổn định của chính phủ.

Tách tầm quan trọng của hành pháp và lập pháp. Các nghị sĩ bị buộc phải từ chức từ Hạ viện để trở thành Bộ trưởng.

Quyền con người. Một loạt các quyền con người được ghi nhận một cách rõ ràng, trong đó có quyền tự do giáo dục, quyền của cộng đồng truyền thông, có quyền và nghĩa vụ phản đối một cách hòa bình các cuộc đảo chính, và biện pháp giành quyền lực ngoài hiến pháp khác. Quyền kháng nghị là cuộc đảo chính cấm sau cuộc đảo chính năm 2006.

Phân cấp của Chính phủ, bao gồm cả việc thành lập bầu Tổ chức hành chính Tambol (Taos) và Tổ chức hành chính tỉnh (PAOs). Hiệu trưởng nhà trường cũng đã được phân cấp.

Tăng kiểm tra và cân bằng, bao gồm cả các cơ quan độc lập chính phủ mới như Tòa án Hiến pháp, Tòa án Hành chính, Văn phòng Tổng Kiểm toán, Ủy ban Quốc gia phòng chống tham nhũng, Ủy ban Nhân quyền quốc gia,các Tổ chức bảo vệ quyền của người tiêu dùng, các Tổ chức bảo vệ môi trường, và nhân viên kiểm tra.

Hiến chương tạm thời 2006

Tối 19/9/2006, gần 1 thành tới cuộc bầu cử Hạ viện (tháng 10/2006), quân đội tiến hành đảo chính lật đổ chính quyền của Thaksin Shinawatra. Chính quyền quân sự bãi bỏ Hiến pháp 1997, giải tán Quốc hội, các cuộc biểu tình và đảng phái chính trị bị cấm hoạt động, kiểm duyệt phương tiện truyền thông, giải tán Tòa án Hiến pháp, Ủy ban Nhân quyền Quốc gia và các cơ quan khác được tạo ra bởi Hiến pháp năm 1997. Đối với những tuần đầu tiên, chính quyền cai trị bằng sắc lệnh.

Quốc tế lên án và một số địa phương phản đối chống lại các cuộc đảo chính đã được tiến hành, bất chấp lệnh cấm của chính quyền. Trong những tuần tiếp theo, lên án cuộc đảo chính chuyển thành những lời chỉ trích của chính phủ quân phiệt bổ nhiệm của Tướng Surayud Chulanont và quá trình soạn thảo hiến pháp.

Chính quyền quân sự bổ nhiệm một ủy ban pháp luật để soạn thảo Hiến chương tạm thời (sau này chính thức được gọi là "hiến pháp"). Ủy ban được cựu Chủ tịch Thượng viện Meechai Ruchuphan lãnh đạo, và ban đầu bao gồm các luật gia Borwornsak Uwanno và Wissanu Krea-ngam. Cả hai đã từng đóng vai trò quan trọng trong việc soạn thảo Hiến pháp năm 1997 và đã từng phục vụ dưới chính quyền bị lật đổ, mặc dù họ đã từ chức vài tháng trước cuộc đảo chính. Phó Hiệu trưởng Đại học Thammasat Prinya Thewanaruemitkul gay gắt chỉ trích cả 2, nói rằng họ đã "không đủ danh dự để xem xét các hệ thống dân chủ." Cả hai từ chối đóng bất kỳ vai trò hơn nữa với chính quyền quân sự.

Dự thảo Hiến chương tạm thời được ban hành vào ngày 27/9/2006, với nhiều lời chỉ trích. Người soạn thảo Hiến chương tạm thời cho phép chính quyền, được chuyển đổi thành Hội đồng An ninh Quốc gia (CNS), bổ nhiệm một nhánh hành pháp cực kỳ mạnh mẽ. Quân đội cũng sẽ bổ nhiệm thành viên cơ quan lập pháp đơn viện 250 thành viên.

Việc thiếu sự kiểm soát đối với việc soạn thảo Hiến pháp. CNS sẽ bổ nhiệm một Hội đồng với 2000 thành viên sau đó sẽ chọn 200 thành viên của mình là ứng cử viên cho Hội đồng soạn thảo Hiến pháp. CNS sẽ chọn 100 thành viên cho cuộc bổ nhiệm của hoàng gia vào Hội đồng; và cũng sẽ chọn người đứng Hội đồng. Hội đồng sau đó sẽ bổ nhiệm 25 thành viên soạn thảo Hiến pháp, với CNS trực tiếp bổ nhiệm 10 thành viên. Quá trình hiệu quả cho sự kiểm soát chính quyền hoàn toàn việc soạn thảo hiến pháp.

Việc sử dụng Hiến chương cũ nếu hiến pháp không được hoàn thành bởi thời hạn CNS đưa ra. Hiến chương cụ thể để trở lại không quy định rõ ràng - CNS và Nội các sẽ chọn 16 Hiến chương trước đây của Thái Lan để sử dụng.

Việc thiếu một khung thời gian rõ ràng cho bản hiến pháp.

Việc đưa lý thuyết Vua Bhumibol một nền kinh tế tự cung tự cấp trong lời mở đầu.

Việc cấp thẩm quyền pháp lý cho các thông báo sau cuộc đảo chính của chính quyền và các dự thảo, trong đó có lệnh cấm chống lại các cuộc biểu tình và các hoạt động chính trị (Điều 36).

Việc cấp giấy ân xá cho chính quyền để thực hiện các cuộc đảo chính (Điều 37).

Sự bất lực của công chúng để nộp ý kiến về dự án luật của quốc hội.

Hiến chương được ban hành ngày 1/10/2006.

Hiến pháp năm 2007

Một bản hiến pháp vĩnh cửu của Vương quốc Thái Lan đã được soạn thảo bởi một ủy ban do hội đồng quân sự thành lập hủy bỏ hiến pháp trước đây của Thái Lan, Hiến pháp năm 1997. Ngày 19 tháng 8 năm 2007, một cuộc trưng cầu dân ý đã được 57,8% cử tri tán thành và đã trở thành luật. Bản hiến pháp mới này thay thế bản luật tối cao của vương quốc, bản Hiến pháp tạm thời năm 2006.

Hội đồng Soạn thảo Hiến pháp do Hội đồng quân sự chỉ định đã nhất trí phê chuẩn bản dự thảo hiến pháp này vào tháng 7 năm 2007, dù có nhiều tranh cãi của công chúng về nhiều điều khoản.[1] Hội đồng quân sự đã thông qua một đạo luật quy định phê phán bản dự thảo hiến pháp này là trái luật.[2] Hội đồng quân sự đã thực hiện chiến dịch tuyên truyền để dẫn đến cuộc trưng cầu dân ý.

Đình chỉ Hiến pháp 2014

Ngày 20/5/2014 Tướng Prayuth Chan-ocha tiến hành bãi bỏ Hiến pháp 2007, tuyên bố thiết quân luật và lệnh giới nghiêm toàn quốc, giải tán Chính phủ và Thượng viện. Trao quyền cho Hội đồng gìn giữ trật tự và hòa bình quốc gia quyền hành pháp và lập pháp, và ra lệnh cho ngành hành pháp phải tuân theo chị thỉ.

Ngày 29/5 Tướng Prayuth tuyên bố vì hòa bình và cải cách đầu tiên phải đạt được, các cuộc bầu cử quốc gia có thể không diễn ra trong hơn một năm, không có thời gian biểu cho việc khôi phục một hiến pháp.

TUYÊN BỐ CHUNG PHIÊN HỌP NỘI CÁC CHUNG VIỆT NAM – THÁI LAN LẦN THỨ 3

Băng Cốc, ngày 23-7-2014

"Bước vào thập kỷ thứ 5 quan hệ Việt Nam-Thái Lan: Hướng tới quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường"

1. Nhằm tăng cường mối quan hệ Đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Thái Lan trước ngưỡng cửa của thập niên thứ 5 trong quan hệ song phương hai nước, Thủ tướng Vương quốc Thái Lan, Tướng Pray-út Chan-ô-cha và Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã đồng chủ trì Cuộc họp Nội các chung Việt Nam-Thái Lan lần thứ 3 vào ngày 23-7-2015 tại Băng Cốc, Thái Lan.

2. Đoàn đại biểu Thái Lan tham dự họp Nội các chung lần thứ 3 do Thủ tướng Vương quốc Thái Lan, Tướng Pray-út Chan-ô-cha làm trưởng đoàn. Đoàn đại biểu Việt Nam tham dự họp Nội các chung lần thứ 3 do Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng làm trưởng đoàn. Danh sách đoàn đại biểu Thái Lan và Việt Nam tại Phụ lục I và II.

3. Trong phát biểu khai mạc, Thủ tướng Vương quốc Thái Lan, Tướng Pray-út Chan-ô-cha và Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của Cuộc họp Nội các chung lần thứ 3 giữa hai Chính phủ Việt Nam và Thái Lan trong việc định hướng cho quan hệ song phương trong thập kỷ thứ 5 nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ Đối tác chiến lược vì hòa bình, thịnh vượng và ổn định của hai nước và tại khu vực ASEAN.

4. Thủ tướng Thái Lan, Tướng Pray-út Chan-ô-cha và Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng bày tỏ hài lòng về những tiến triển trong quan hệ và hợp tác song phương giữa hai nước kể từ sau Cuộc họp Nội các chung lần thứ 2 vào năm 2012. Hai bên hoan nghênh việc thường xuyên trao đổi các chuyến thăm cấp cao; thực hiện hiệu quả Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Thái Lan (2014-2018); tăng cường hợp tác chính trị, an ninh; tiếp tục mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư cũng như đưa hợp tác văn hóa, xã hội, và giáo dục đi vào chiều sâu; đã giúp mang lại những lợi ích chiến lược ngày càng lớn và thiết thực cho cả hai nước.

5. Hai Thủ tướng nhất trí về các biện pháp nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ Đối tác chiến lược giữa hai nước như sau:

Hợp tác chính trị, an ninh, quốc phòng

5.1. Hai bên nhất trí hợp tác trong các lĩnh vực này ngày càng gần gũi và sâu sắc, giúp tăng cường sự tin cậy chiến lược giữa hai nước; đồng thời hoan nghênh những phát triển sau:

a. Thành công của các cơ chế hợp tác song phương như Kỳ họp lần thứ 2 Ủy ban Hỗn hợp về hợp tác song phương Việt Nam-Thái Lan, Cơ chế họp hẹp giữa Bộ trưởng Ngoại giao hai nước lần thứ nhất, Cuộc họp lần thứ 7 Nhóm Công tác chung về hợp tác chính trị, an ninh và Cuộc họp Tham vấn Lãnh sự lần thứ nhất. Các cơ chế này đã góp phần tăng cường tin cậy và hiểu biết chung trên tinh thần Đối tác chiến lược giữa hai nước.

b. Việc ký kết Biên bản thỏa thuận giữa hai Bộ Ngoại giao, Bản ghi nhớ về hợp tác pháp lý và tư pháp giữa hai Bộ Tư pháp;

c. Thành công của hợp tác quốc phòng song phương trong việc triển khai Bản ghi nhớ về Quốc phòng giữa Bộ Quốc phòng Thái Lan và Bộ Quốc phòng Việt Nam (ký năm 2012); trong các cuộc đối thoại và tham vấn giữa hai Bộ Quốc phòng và các lực lượng vũ trang của hai nước; các sáng kiến hợp tác mới như lập Ủy ban chung về an ninh Việt Nam-Thái Lan giữa Bộ Quốc phòng Thái Lan và Bộ Quốc phòng Việt Nam; và

d. Các sáng kiến thành lập cơ chế hợp tác mới như Nhóm Công tác chung hợp tác trong việc chống đánh bắt cá trái phép, và bắt đầu đàm phán Hiệp ước Dẫn độ.

5.2 Trên cơ sở các thành tựu đã đạt được và với quyết tâm không ngừng mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa trụ cột hợp tác về chính trị, an ninh, quốc phòng trong quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường Việt Nam-Thái Lan, hai bên đã trao đổi và thống nhất các định hướng lớn như sau:

a. Hai bên nhất trí sớm lập Ủy ban chung Việt Nam-Thái Lan về An ninh giữa Bộ Quốc phòng Thái Lan và Bộ Quốc phòng Việt Nam và đưa cơ chế này vào hoạt động.

b. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác, phối hợp ở các cấp để ngăn chặn tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là phòng chống vận chuyển chất ma túy, di cư bất hợp pháp và buôn người, buôn lậu vũ khí, khủng bố, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm mạng, tội phạm môi trường.

c. Hai bên hoan nghênh khả năng tổ chức đối thoại an ninh thường niên giữa Bộ Công an của Việt Nam và Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan.

d. Hai bên nhất trí tăng cường phòng chống tội phạm buôn người và tạo thuận lợi cho việc nhận trở lại và tái hòa nhập cho các nạn nhân của nạn buôn bán người, tuân thủ Quy trình tiêu chuẩn (SOPs) cho việc xác định và tái hòa nhập nạn nhân bị buôn bán người giữa Thái Lan và Việt Nam;

e. Hai bên khẳng định cam kết không cho phép bất cứ cá nhân, tổ chức nào sử dụng lãnh thổ của nước này để chống lại nước kia.

f. Hai bên nhất trí tổ chức các hoạt động trong cả năm 2016 ở Việt Nam và Thái Lan để kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Thái Lan; đồng thời tăng cường quan hệ Đối tác chiến lược giữa hai nước; bao gồm trao đổi các đoàn cấp cao, các hoạt động văn hóa, tổ chức hội thảo xúc tiến thương mại, đầu tư.

Hợp tác kinh tế

5.3. Hai bên đánh giá cao sự phát triển sôi động của quan hệ hợp tác song phương trong lĩnh vực này, phản ánh mức độ liên kết kinh tế ngày càng cao giữa hai nước trong bối cảnh Cộng đồng kinh tế ASEAN hình thành vào cuối năm 2015. Trên tinh thần đó, hai bên hoan nghênh kết quả cuộc họp lần thứ 2 Ủy ban chung về Thương mại, việc thông qua Kế hoạch hành động về hợp tác thương mại và đầu tư giữa Thái Lan và Việt Nam (2015-2020), Cuộc họp lần thứ 3 cấp Thứ trưởng Ngoại giao về Hành lanh kinh tế Đông-Tây (EWEC), việc Thái Lan phê chuẩn các Phụ lục số 6, 8 và 14 của CBTA ngày 30-3-2015, nhằm thực thi Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Lào-Thái-Việt Nam để triển khai Thỏa thuận ban đầu giữa 6 nước GMS về Tạo thuận lợi cho vận tải hàng hóa và người qua biên giới (II CBTA) qua cặp cửa khẩu Lao Bảo - Đen-xa-vẳn và Xa-vẳn-na-khệt - Mục-đa-hẳn (Đường 9) ký tháng 2-2013, mở rộng Hành lang kinh tế Đông-Tây (EWEC) đến Viêng-chăn, Băng-cốc, Hà Nội, cảng La-em Cha-bang và cảng Hải Phòng. Việc mở rộng này sẽ giúp tăng cường tiềm năng kinh tế của EWEC và thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội.

5.4. Thái Lan hoan nghênh Việt Nam đã bày tỏ quan tâm đến việc tham gia Hội đồng Cao su quốc tế ba bên.

5.5. Để không ngừng tăng cường liên kết kinh tế giữa hai nước trên tinh thần quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường, hai bên nhất trí khuyến khích mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư như sau:

a. Đề ra mục tiêu mới đưa kim ngạch thương mại song phương đạt mức từ 15 đến 20 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020;

b. Thành lập một cơ chế tham khảo không chính thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy đầu tư, bao gồm bảo hộ đầu tư tại mỗi nước, có vai trò như một diễn đàn sơ khởi cho các doanh nghiệp trao đổi cũng như đàm phán trong trường hợp doanh nghiệp có tranh chấp;

c. Tận dụng việc sử dụng đồng baht Thái và đồng Việt Nam trong giao dịch thương mại và đầu tư;

d. Tạo thuận lợi hơn nữa cho đầu tư song phương thông qua khuyến khích mở các ngân hàng thương mại mới của Thái Lan tại Việt Nam và các ngân hàng Việt Nam ở Thái Lan;

e. Thúc đẩy các dự án đầu tư chủ chốt của doanh nghiệp Thái Lan tại Việt Nam (bao gồm Dự án Lọc hóa dầu Nhơn Hội của PTT tại Bình Định, Nhà máy Nhiệt điện của Tập đoàn quốc tế EGAT tại Quảng Trị, nhà máy hóa dầu của SCG tại Bà Rịa-Vũng Tàu, Dự án Khu công nghiệp công nghệ cao của Tập đoàn Amata tại Quảng Ninh); góp phần đưa Thái Lan vào nhóm các nước đầu tư lớn hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao tầm quan trọng chiến lược của hợp tác đầu tư trong quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan;

f. Khuyến khích mở rộng đầu tư của Thái Lan trên các lĩnh vực tiềm năng tại Việt Nam như dệt may, sản xuất hóa chất, hóa dầu, các sản phẩm gia dụng, các ngành công nghiệp phụ trợ (linh kiện điện tử và ô tô), nông nghiệp và chế biến thực phẩm, năng lượng sinh học và du lịch;

g. Tạo thuận lợi cho hợp tác phát triển thị trường vốn, khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam cân nhắc lựa chọn thị trường vốn của Thái Lan để kêu gọi vốn.

5.6. Về hợp tác nông nghiệp, hai bên nhất trí tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực sau:

a. Tìm kiếm các cách thức và biện pháp phối hợp về công nghệ sau thu hoạch, cải thiện chất lượng và nâng cao giá trị của các sản phẩm nông nghiệp; trong đó có gạo và cao su.

b. Tiêu chuẩn và chất lượng hoa quả tươi như xoài, chôm chôm, vải, nhãn, thanh long;

c. Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong việc bảo tồn và quản lý các nguồn lợi về thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

d. Hợp tác về an toàn chất lượng và kiểm soát an toàn đối với sản phẩm cá và thủy sản.

e. Hoan nghênh thành công của Cuộc họp lần thứ 5 Nhóm Công tác chung về hợp tác nông nghiệp trong khuôn khổ Bản ghi nhớ về hợp tác nông nghiệp giữa Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã của Vương quốc Thái Lan và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.7. Với quyết tâm tăng cường kết nối nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh các lĩnh vực hợp tác chiến lược có liên quan giữa hai nước, hai bên nhất trí đẩy mạnh hợp tác vận tải đa phương thức bao gồm cả đường bộ, đường biển và hàng không giữa hai nước và trong tiểu vùng như sau:

a. Tổ chức hội nghị ba bên và đề nghị tất cả các bên liên quan xúc tiến đàm phán và ký Bản ghi nhớ về mở tuyến dịch vụ xe buýt nối Thái Lan - Lào - Việt Nam;

b. Tổ chức cuộc họp lần thứ nhất Nhóm Công tác chung ba bên giữa Thái Lan - Cam-pu-chia - Việt Nam tại Thái Lan trong năm 2015 về phát triển tuyến vận tải ven bờ;

c. Tăng cường tần xuất các chuyến bay trực tiếp và khuyến khích mở các tuyến bay trực tiếp nối các địa điểm mới giữa Thái Lan và Việt Nam, bao gồm cả Hãng hàng không Thái VietJet Air.

Hợp tác văn hóa, xã hội, giáo dục và lao động

5.8. Hai bên hài lòng nhận thấy hợp tác song phương trong các lĩnh vực này ngày càng được mở rộng và phong phú, đóng góp tích cực vào việc tăng cường hiểu biết và vun đắp thêm cho quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước. Để góp phần nâng cao hơn nữa vai trò của các lĩnh vực hợp tác này trong quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường Việt Nam-Thái Lan, hai bên đã thảo luận các phương thức và biện pháp nhằm làm sâu sắc hơn nữa hợp tác song phương về văn hóa, xã hội, giáo dục và lao động, cụ thể như sau:

a. Thúc đẩy thực hiện Chương trình trao đổi văn hóa giữa Bộ Văn hóa Vương quốc Thái Lan và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b. Ủng hộ mạnh mẽ vai trò và các hoạt động của Hội Hữu nghị Việt Nam-Thái Lan và Hội hữu nghị Thái Lan-Việt Nam nhằm không ngừng tăng cường giao lưu giữa nhân dân hai nước, góp phần phát triển toàn diện và sâu sắc quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Thái Lan.

c. Ủng hộ các hoạt động của Trung tâm Thái Lan tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh, hỗ trợ và tiếp tục việc giảng dạy tiếng Thái tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, và thúc đẩy phát triển các trung tâm/khoa tiếng Thái Lan tại Việt Nam và trung tâm/khoa tiếng Việt tại Thái Lan, đặc biệt là Trung tâm Văn hóa và Ngôn ngữ Việt Nam tại Trường Pathumthep Witthayakarn tại tỉnh Nong Khai và Trung tâm hữu nghị Nakhon Phanom, nhằm thúc đẩy học tập nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam tại Thái Lan;

d. Tổ chức Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ 7 về Hợp tác khoa học và công nghệ trong năm 2016 và thúc đẩy hoàn tất Thỏa thuận hợp tác mới giữa Chính phủ Thái Lan và Chính phủ Việt Nam về Hợp tác khoa học, công nghệ và sáng tạo năm 2016; góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác trong các lĩnh vực liên quan khác trên tinh thần quan hệ Đối tác chiến lược;

e. Hoan nghênh việc ký kết Bản ghi nhớ về Hợp tác Lao động và Thỏa thuận về Tuyển dụng lao động giữa hai nước. Hai bên sẽ thực hiện Bản ghi nhớ và Thỏa thuận nhằm đưa hợp tác lao động vào khuôn khổ và lên một tầm cao mới; đáp ứng tốt hơn nhu cầu và lợi ích của cả hai bên;

f. Hoan nghênh việc ký kết Bản ghi nhớ về thiết lập quan hệ hữu nghị giữa tỉnh U-bon Rát-cha-tha-ni và tỉnh Kon Tum, giữa tỉnh Trát và tỉnh Long An;

g. Tăng cường hơn nữa việc phát triển du lịch bền vững và toàn diện cả ở cấp độ song phương và khu vực vì lợi ích chung và mở đường cho mối quan hệ đối tác lâu dài giữa hai nước cũng như sự phát triển bền vững của ngành du lịch trong khu vực;

h. Thúc đẩy hoàn tất Kế hoạch hợp tác du lịch giai đoạn 2015-2016 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam với Bộ Du lịch và Thể thao của Thái Lan nhằm mục đích trao đổi cán bộ và thông tin du lịch, thúc đẩy quảng bá du lịch, và tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch cũng như tăng cường kết nối.

i. Tiếp tục tăng cường hợp tác, ủng hộ lẫn nhau tại Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO); Thái Lan ủng hộ Việt Nam làm thành viên Ban điều hành UNESCO giai đoạn 2015-2019.

j. Thái Lan đánh giá cao ủng hộ của Việt Nam về việc sửa đổi dự thảo nghị quyết về Quần thể rừng Kaeng Krachan tại cuộc họp lần thứ 39 của Ủy ban Di sản thế giới (WHC) tại Bonn, Đức. Việt Nam với tư cách là thành viên trong Ủy ban Di sản thế giới nhất trí ủng hộ Thái Lan trong việc chuẩn bị để Công viên lịch sử Phuphrabat và Quần thể rừng Kaeng Krachan được ghi nhận là Di sản thế giới tại cuộc họp tiếp theo của WHC tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 7-2016.

Hợp tác khu vực

Hai bên đánh giá cao quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là trong các vấn đề lớn mang tính chiến lược quan trọng đối với khu vực. Với mong muốn đưa mối quan hệ hợp tác tốt đẹp đó lên một tầm cao mới trên tinh thần quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường, hai bên đã trao đổi và thống nhất các nội dung cụ thể sau:

5.9. Hai bên nhất trí tiếp tục ủng hộ việc hiện thực hóa các mục tiêu trong Cộng đồng ASEAN thông qua hợp tác khu vực trong khuôn khổ ACMECS, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường và phát triển nguồn nhân lực;

5.10. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác và phối hợp trong các khuôn khổ Tiểu vùng sông Mê Công, bao gồm hợp tác Mê Công-Nhật Bản, Mê Công-Hàn Quốc, Mê Công-Sông Hằng, Sáng kiến hạ nguồn sông Mê Công, Ủy ban sông Mê Công cũng như Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS);

5.11. Hai bên nhất trí cần hợp tác chặt chẽ với nhau và với các nước ASEAN khác nhằm thúc đẩy hiện thực hóa mục tiêu thành lập Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015 và giai đoạn tiếp theo; đồng thời duy trì vai trò lãnh đạo và trung tâm của ASEAN trong các vấn đề chiến lược ở khu vực;

5.12. Thái Lan đánh giá cao Việt Nam trong việc điều phối quan hệ ASEAN-EU trong ba năm qua. Với tư cách là điều phối viên ASEAN sắp tới, Thái Lan mong muốn hợp tác chặt chẽ với Việt Nam và các nước ASEAN khác nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ ASEAN-EU vì lợi ích chung;

5.13. Hai bên tái khẳng định quan điểm đã đạt được trong Tuyên bố Chủ tịch của Hội nghị Cấp cao ASEAN 26. Hai bên chia sẻ quan ngại về diễn biến trên Biển Đông, ảnh hưởng tới lòng tin, sự tin cậy và phương hại đến hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực; tái khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì hòa bình và ổn định cũng như an toàn và tự do của hàng hải và hàng không tại khu vực Biển Đông. Hai bên nhấn mạnh sự cần thiết của việc các bên liên quan bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông (DOC); xây dựng, duy trì và tăng cường sự tin cậy lẫn nhau; kiềm chế và không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; giải quyết sự khác biệt và tranh chấp thông qua các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS); đề nghị tăng cường đối thoại và tham vấn để bảo đảm sớm đạt được Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

6. Hai bên hoan nghênh kết quả tốt đẹp của Cuộc họp Nội các chung lần thứ 3. Hai bên nhất trí tiếp tục duy trì sự năng động của mối quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Thái Lan hướng tới thập kỷ thứ 5 trong quan hệ hai nước. Ngài Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã gửi lời cảm ơn chân thành tới Ngài Pray-út Chan-ô-cha, Thủ tướng Thái Lan, tới Chính phủ và nhân dân Thái Lan về sự đón tiếp nồng hậu, hiếu khách dành cho Đoàn Việt Nam.

Làm tại Băng Cốc ngày 23-7-2015 thành 2 bản bằng tiếng Anh.

Thay mặt Chính phủ Vương quốc Thái Lan

Tanasak Patimapragorn-Phó thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Phạm Bình Minh-Phó thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao